TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG HINH
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:09/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28/11/2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HINH, TỈNH PHÚ YÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Phạm Xuân Lai;

2.Ông Ksor Y Kư.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Chị Lê Thị Mạy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Hà Trọng Hiếu - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2018/TLST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2018 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn TT, xã SB, huyện SH1, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Bị đơn: Vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim Ch sinh năm 1972, ông Nguyễn Văn H sinh năm 1973. Có cùng địa chỉ: Thôn AH, xã ĐBT, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Bà Ch có mặt, ông H vắng mặt có bản tự khai xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Vợ chồng ông Nguyễn Đình Nh sinh năm 1970, bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1971. Có cùng địa chỉ: Thôn M/N, xã EL, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Ông Nh có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 7 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị Thu H trình bày:

Vào ngày 15/5/2015 âm lịch (ngày 30/6/2015 dương lịch), vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim Ch và ông Nguyễn Văn H mượn của bà H 280.000.000[đ] tiền

gốc, và số vàng là 35 chỉ vàng y 9999, hẹn khi nào bà H cần rút vốn lại thì báo trước vợ chồng bà Ch ông H một tháng, bà Ch tự viết giấy mượn tiền, bà Ch ký bên vợ, ông H ký bên chồng. Tiếp đến ngày 28/11/2016 âm lịch (ngày 26/12/2016 dương lịch) vợ chồng bà Ch ông H lại mượn 130.000.000đ, lý do mượn để mua bán làm ăn và có thế chấp một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ông Nguyễn Đình Nh, hẹn khi nào bà H cần thì vợ chồng bà Ch phải trả và bà H sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ch ông H, bà Ch cũng là người viết giấy mượn và ký tên vợ, ông H ký tên bên chồng. Đã nhiều lần bà H yêu cầu trả toàn bộ số tiền và vàng đã cho vay nhưng vợ chồng bà Ch ông H hô vỡ nợ và đến nay chưa trả nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Ch ông H phải trả 410.000.000đ tiền gốc, 35 chỉ vàng y 9999 trị giá 120.750.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ khi vay tiền, vàng cho tới nay.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả tổng số tiền lãi là 90.000.000đ, kể từ tháng 02/2017 đến nay bị đơn không trả lãi cũng không trả gốc, nay yêu cầu vợ chồng bà Ch phải trả toàn bộ gốc, lãi theo mức lãi quá hạn 150% lãi suất của Ngân hàng nông nghiệp.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Ch trình bày:

Từ năm 2009 đến năm 2015 bà Ch đã nhiều lần vay tiền và vàng của bà Lê Thị Thu H để bổ sung vốn mua bán nông sản, đến ngày 15/5/2015 âm lịch (ngày 30/6/2015 dương lịch) thì bà H nói bà Ch viết dồn lại thành một giấy nợ tổng cộng 280.000.000đ và 35 chỉ vàng y 9999. Năm 2016 vay thêm ba lần, đến ngày 28/11/2016 âm lịch (ngày 26/12/2016 dương lịch) bà H yêu cầu bà Ch viết dồn lại thành một giấy nợ tổng cộng 130.000.000đ. Lãi suất vàng được tính là 100.000đ/chỉ/tháng, tiền vay lãi suất từ 40% đến 60%/ tháng. Bà Ch đã trả lãi suất hàng tháng đến tháng 02/2017, còn tiền gốc thì đến năm 2015 đã trả được 20.000.000đ + chơi đồng điện tử Oncoi do bà H vận động 30.000.000đ + Chơi Thái Tuấn 5.000.000đ; năm 2016 bà Ch trả 22.500.000đ, tổng cộng đã trả 77.500.000đ. Đến nay bà Ch còn nợ bà H 332.500.000đ và 35 chỉ vàng y 9999. Việc vay mượn tiền vàng chỉ có bà Ch vay, bà Ch viết giấy, ký tên vợ trong hai giấy vay nợ, chồng bà Ch là ông H không biết việc vay tiền, chữ ký trong hai giấy vay nợ không phải của ông H chồng bà Ch. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà Ch thế chấp cho bà H là của vợ chồng ông Nh bà L, bà H sang nhà bà Ch thấy giấy chứng nhận ở trên bàn nên bắt bà Ch phải ghi thế giấy đó cho bà H. Vợ chồng ông Nh không biết việc này. Bà Ch hứa trả tiền vàng cho bà H sau năm 2020 vì từ nay đến năm 2020 bà còn phải trả nợ cho các Ngân hàng và đề nghị tính lại lãi suất theo quy định.

Quá trình tố tụng ông Nguyễn Văn H trình bày: Việc vay mượn giữa bà Ch (vợ ông) và bà H ông không biết, khi vợ ông buôn bán làm ăn kinh tế bị phá sản, bà H đến nhà đòi nợ, hăm dọa thì ông mới biết. Ông xin vắng mặt tại tất cả các phiên hòa giải và phiên tòa xét xử .

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Đình Nh trình bày: Năm 2010 ông có sang nhượng cho vợ chồng bà Ch ông H một lô đất nhà ở. Năm 2014 bà

Ch lên nhà ông hỏi mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tách sổ riêng nên ông đưa để bà Ch đi tách sổ. Sau đó ông chưa có điều kiện đi lấy sổ về mà bà Ch cũng không chịu đem trả sổ cho ông mà tự ý lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông đi thế chấp cho bà H. Ông không nợ gì của bà Ch và cũng không nợ bà H. Ông đề nghị Tòa án xem xét buộc bà Ch phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định của pháp luật về thời hạn chuẩn bị xét xử, thu thập tài liệu chứng cứ đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật về phiên tòa xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ. Bị đơn bà Ch chưa chấp hành nghiêm quy định của pháp luật, gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng. Ông H có yêu cầu xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông H là đúng quy định.

Về nội dung: Việc bà Ch cho rằng đã trả tiền gốc và tiền chơi Thái Tuấn, chơi đồng tiền điện tử tổng cộng 77.500.000^{đ} nhưng không cung cấp được các tài liệu chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận. Căn cứ Điều 25, 27 Luật Hôn nhân gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc vợ chồng bị đơn trả toàn bộ tiền gốc vay, vàng và lãi vay theo quy định của pháp luật; nguyên đơn phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Nh cho bà Ch để bà Ch trả lại vợ chồng ông Nh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kiểm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]Về tố tụng dân sự:

Bà Lê Thị Thu H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh giải quyết yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim Ch, Nguyễn Văn H cư trú tại thôn AH, xã ĐBT, huyện SH, tỉnh Phú Yên phải trả nợ tiền, vàng vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn H có bản tự khai xin vắng mặt các phiên tòa hòa giải và phiên tòa xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2]Về nội dung tranh chấp:

Bà Nguyễn Thị Kim Ch thừa nhận từ năm 2009 đến năm 2015 có vay của bà Lê Thị Thu H nhiều lần tiền và vàng sau đó cộng dồn, viết thành hai giấy vay nợ ngày 15/5/2015 âm lịch (ngày 30/6/2015 dương lịch) và ngày 28/11/2016 âm lịch (ngày 26/12/2016 dương lịch) tổng cộng 410.000.000đ (Bốn trăm mười triệu đồng) và 35 chỉ vàng y 9999, phù hợp với trình bày về số tiền, vàng gốc đã cho vay của bà H, đây là tình tiết không phải chứng minh. Giữa bà H và bà Ch đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2005, do bà Ch vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà H khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc và lãi theo lãi suất quá hạn của Ngân hàng là phù hợp quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự 2005.

Bà Ch cho rằng đã trả 20.000.000đ tiền gốc năm 2015, 22.500.000đ tiền gốc năm 2016, nhưng bà H không thừa nhận, bà Ch cũng không có chứng cứ tài liệu nào để chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận. Bà Ch còn cho rằng do bà H vận động nên bà Ch đã chơi Thái Tuấn 5.000.000đ, chơi đồng tiền điện tử Oncoi 30.000.000đ, yêu cầu bà H phải trừ số tiền này vào nợ gốc cho bà Ch nhưng bà H không đồng ý nên việc yêu cầu của bà Ch không có cơ sở chấp nhận. Vì vậy Hội đồng xét xử xác định số nợ gốc chưa thanh toán giữa hai bên là 410.000.000đ và 35 chỉ vàng y 9999.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Bà Ch cho rằng tiền lãi tính theo mức lãi suất vay tiền từ 40% (1.000.000đ trả lãi 40.000đ)/tháng đến 60%/tháng, vay vàng là 100.000đ/chỉ/tháng và thừa nhận còn nợ tiền lãi từ tháng 02/2017 đến nay chưa trả, trước đó thì các bên đã thanh toán xong, bà H khai nhận lãi suất thỏa thuận cho các khoản vay đang tranh chấp là 1,5%/tháng, đã nhận 90.000.000đ tiền lãi. Do đó có đủ cơ sở xác định việc vay nợ của các bên là thỏa thuận vay có lãi, nhưng có tranh chấp về lãi suất.

Đối với yêu cầu tính lãi suất vay vàng: Theo quy định tại Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối năm 2005**,** Điều 29 Nghị định 160/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 Quy định chi tiết pháp lệnh ngoại hối và các quy định của pháp luật thì cá nhân không được phép cho vay vàng. Vì vậy hợp đồng vay vàng giữa bà H và bà Ch là hợp đồng vô hiệu nên không được tính lãi suất.

Đối với lãi suất vay tiền: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005, lãi suất vay được tính bằng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố là 9%/năm = 0.75%/tháng (Quyết định số 2868/QĐ -NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam); thời gian tính lãi được tính từ ngày bị đơn vay nợ đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm là: 280.000.000đ x 0,75%/tháng x 40 tháng 29 ngày + 130.000.000đ x 0,75%/tháng x 23 tháng 02 ngày = 108.520.000đ. Bà Ch đã trả 90.000.000đ tiền lãi nên còn phải trả 108.520.000đ - 90.000.000đ = 18.520.000đ tiền lãi.

Về nghĩa vụ trả nợ: Bà Ch và ông H cho rằng việc vay tiền, vàng chỉ do một mình bà Ch giao dịch, ông H không biết, không ký giấy vay tiền nên bà Ch có trách nhiệm trả nợ một mình. Tuy nhiên, bà Ch thừa nhận bà Ch vay mượn tiền, vàng về để lấy vốn buôn bán kinh doanh nông sản, ông H thừa nhận hai vợ chồng kinh doanh buôn bán nông sản khoảng 10 năm thì thua lỗ nên dừng mua

bán vào cuối năm 2016 âm lịch, ông H không quản lý tiền bạc nhưng làm công việc khuân vác hỗ trợ (BL 54-55; 66), vì vậy căn cứ theo quy định tại Điều 25, Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình ông H phải chịu trách nhiệm liên đới với bà Ch trong việc trả nợ cho bà H số tiền gốc 410.000.000đ + 18.520.000đ lãi, tổng cộng 428.520.000đ và 35 chỉ vàng y 9999.

Về biện pháp bảo đảm: Bà Ch tự ý lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Nh đem đi thế chấp cho bà H và việc thế chấp không được đăng ký thế chấp là vi phạm quy định Điều 715 và khoản 2 Điều 717 Bộ luật Dân sự 2005 nên hợp đồng thế chấp giữa bà Ch và bà H là vô hiệu. Bà H có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 559174 do Ủy ban nhân dân huyện Sông Hinh cấp ngày 05 tháng 8 năm 2013 cho bà Ch và bà Ch có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng ông Nh.

[3]Về án phí: Vợ chồng bị đơn có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng là 20.000.000đ + (428.520.000đ + 35 chỉ x 3.450.000đ/chỉ - 400.000.000đ) x 4% = 25.971.000đ theo quy định của pháp luật. Hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 471, 474, 476, 715, 717 và 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 25, Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Thu H.

Buộc bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim Ch và ông Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Lê Thị Thu H tổng số tiền 428.520.000đ (Bốn trăm hai mươi tám triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng), trong đó tiền gốc vay 410.000.000đ, tiền lãi 18.520.000đ) và 35 chỉ vàng y 9999.

Bà Lê Thị Thu H có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 559174 do Ủy ban nhân dân huyện Sông Hinh cấp ngày 05 tháng 8 năm 2013 cho bà Nguyễn Thị Kim Ch và bà Ch có trách nhiệm trả lại vợ chồng ông Nguyễn Đình Nh bà Nguyễn Thị Thanh L.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chưa thi hành xong số tiền nói trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim Ch ông Nguyễn Văn H phải chịu 25.971.000[đ] (Hai mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi mốt ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn Lê Thị Thu H 12.615.000[đ] (Mười hai triệu sáu trăm mười lăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tiền số 0008287 ngày 31/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND h.Sông Hinh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Đông